

VÀI NÉT VỀ PHẬT GIÁO THỜI LÝ QUA TƯ LIỆU BI KÝ

Tóm tắt: Vương triều Lý (1009-1225) mở ra nền quân chủ hoàn bị trong lịch sử Việt Nam trên nhiều phương diện như: kinh tế, văn hóa, giáo dục, cương vực, tư tưởng,... Trong đó, những dấu ấn Phật giáo đối với vương triều và xã hội Đại Việt rất sâu đậm. Vua chúa, quan lại trong vương triều đều chú trọng xây dựng tự viện, sao chép kinh Phật cùng nhiều hoạt động khác. Các di sản Phật giáo thời Lý còn lại đến ngày nay chủ yếu là bi ký. Hiện nay, tuy số lượng bi ký được phát hiện không nhiều, song đây là nguồn tư liệu giá trị giúp chúng ta hiểu thêm về Phật giáo thời Lý. Vì vậy, bài viết dựa vào các bi ký thời Lý đã được phát hiện và công bố, chúng tôi làm rõ hơn về Phật giáo thời Lý qua một số khía cạnh như: Tư tưởng Phật giáo, cơ sở thờ tự và những đóng góp của người dân cho Phật giáo thời Lý.

Từ khóa: Phật giáo, thời Lý, chùa, bi ký

Mở đầu

Thời Lý (1009-1225), Phật giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống chính trị, văn hóa và xã hội Đại Việt. Từ vương hầu, quý tộc đến người dân đều ưu chuộng Phật giáo. Những ghi chép trong chính sử cho biết, triều đình rất sùng bái Phật giáo, nhiều hoạt động, thực hành Phật giáo của các vị vua, hoàng hậu, quan, cũng như người dân như: xây chùa, đúc chuông, sao chép kinh Phật, cầu đảo,...

Trải qua thời gian, những dấu ấn vật chất của Phật giáo thời Lý đến nay đã mai một nhiều, không còn nguyên vẹn, các kiến trúc chùa, tháp chỉ còn lại nền móng vùi trong lòng đất, nhiều kinh sách Phật giáo, bi ký, chuông đồng, ... cũng mất mát, hư hại. Do đó, việc nghiên cứu về Phật giáo thời Lý gặp nhiều khó khăn. Từ chính sử và các tư liệu phát hiện trong nhiều năm qua như: hiện vật khảo cổ (gạch, ngói, phù điêu

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam.

Ngày nhận bài: 24/5/2024; Ngày biên tập: 28/5/2024; Duyệt đăng: 25/10/2024.

trang trí,...), dấu vết nền móng kiến trúc, bi ký,... là cơ sở tư liệu quan trọng, giúp chúng ta nhận thức rõ hơn về Phật giáo thời Lý.

Đến nay, nghiên cứu về Phật giáo thời Lý nói chung hay các phát hiện, công bố về một đơn vị bi ký thời Lý thì đã có nhiều. Tuy nhiên, những nghiên cứu về Phật giáo dựa trên toàn bộ tư liệu bi ký thời Lý còn hạn chế. Một số nghiên cứu đã bước đầu khai thác giá trị tổng thể của các bi ký thời Lý như: bố cục bi ký, hình thức bi ký, nội dung bi ký, giá trị tư liệu,... có thể nhận thấy trong các nghiên cứu của Đinh Khắc Thuân [Đinh Khắc Thuân, 2010: 749-766]; Phạm Thị Thùy Vinh [Phạm Thị Thùy Vinh, 2013: 43-50]; Vũ Ngọc Đình [Vũ Ngọc Đình, 2023]. Các công bố này tập trung giới thiệu tổng quan giá trị tư liệu bi ký thời Lý trên các lĩnh vực của xã hội Đại Việt, trong đó có đề cập đến Phật giáo: “với số lượng văn khắc còn lại quá ít so với sự tồn tại của vương triều Lý, nhưng những giá trị của nó thật sự rất quan trọng trong việc tìm hiểu về chính trị, kinh tế, xã hội nhà Lý” [Phạm Thị Thùy Vinh, 2013: 50]. Do vậy, việc tiếp tục tìm hiểu về Phật giáo thời Lý qua khai thác tư liệu bi ký thời Lý là một đóng góp có giá trị thực tiễn.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu vận dụng các phương pháp như: phân tích, tổng hợp các tư liệu, qua đó phân tích, đối sánh với một số nguồn tư liệu khác để làm nổi bật các khía cạnh được nêu lên. Ngoài ra, chúng tôi còn khảo sát thực tế tại một số chùa thời Lý ở các tỉnh Bắc Ninh, Hà Nam và Thanh Hóa. Cụ thể, nguồn tư liệu tổng hợp, thống kê và phân tích trong bài viết này được khai thác từ chính sử, sách, tạp chí đã xuất bản, giới thiệu về nội dung của các bi ký thời Lý. Trong đó, công trình của [Nguyễn Văn Thịnh chủ trì, 2010], là nguồn tư liệu chính, được chúng tôi khai thác chủ yếu. Cuốn sách đã tập hợp và giới thiệu tổng số 18 bi ký thời Lý hiện có. Trong 18 bi ký này, có ba bi ký không đề cập đến đạo Phật là: 鉅越國太慰李公石碑銘序 (Phiên âm: Cự Việt quốc Thái úy Lý công thạch bi minh tự. Dịch nghĩa: Phần mở đầu bài văn bia về Thái úy Lý công nước Đại Việt); 皇越太傅劉君墓誌 (Phiên âm: Hoàng Việt thái phó Lưu quân mộ chí. Dịch nghĩa: Văn viết trên bia mộ thái phó Lưu quân (Lưu Khánh Đàm) của Đại Việt); 寶掌太婆墓誌 (Phiên âm: Bảo Chưởng Thái bà mộ chí. Dịch nghĩa: Văn viết trên bia mộ Thái bà Bảo Chưởng). Thống kê cho thấy, bi ký thời Lý liên quan đến Phật giáo có số lượng và phân bố theo không gian như Bảng 1.

Bảng 1: Phân bố bi ký liên quan đến đạo Phật thời Lý theo các địa phương

Sst	Bi ký	Tỉnh	Sst	Bi ký	Tỉnh
1	明淨寺碑文 Bi ký chùa Minh Tịnh Soạn năm 1090	Thanh Hóa	9	仰山靈稱寺碑銘 Bi ký chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn Soạn năm 1126	Thanh Hóa
2	頌佛阿彌陀 Tụng Phật Adidà Soạn năm 1099	Hà Nội	10	古越村延福寺 碑銘 Bi ký chùa Diên Phúc thôn Cổ Việt Soạn năm 1157	Hung Yên
3	安獲山報恩寺碑記 Bi ký chùa Báo Ân núi An Hoạch Soạn năm 1100	Thanh Hóa	11	大朱摩山盞大 光聖岩碑 Bia khắc trên vách Động Đại Quang Thánh núi Đại Chu Ma Sơn Ảng Soạn năm 1166	Ninh Bình
4	保寧崇福寺碑 Bi ký chùa Bảo Ninh Sùng Phúc. Soạn năm 1107	Tuyên Quang	12	奉聖夫人黎氏 墓志 Mộ chí của Phu nhân Phụng Thánh họ Lê Soạn năm 1174	Phú Thọ
5	天福寺洪鍾銘文 Minh văn chuông chùa Thiên Phúc. Soạn năm 1109	Hà Nội	13	圓光寺碑銘 Bi ký chùa Viên Quang. Soạn năm 1175-1210	Nam Định
6	崇嚴延聖寺碑銘 Bi ký chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh Soạn năm 1118	Thanh Hóa	14	報恩禪寺碑記 Bi ký chùa Báo Ân . Soạn năm 1201	Hà Nội
7	大越國李家第四帝 崇善延齡塔碑 Bi ký tháp Sùng Thiện Diên Linh của vua thứ tư nhà Lý nước Đại Việt. Soạn năm 1121	Hà Nam	15	祝聖報恩寺碑 Bi ký chùa Chúc Thánh Báo Ân. Soạn năm 1185- 1214	Hung Yên
8	乾尼山香嚴寺碑銘 Bia chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni. Soạn năm 1125	Thanh Hóa	0	0	0

[Nguyễn Văn Thịnh chủ trì, 2010]

Bài viết này, dựa trên các bi ký thời Lý hiện còn, đã được sưu tập, in ấn trên một số ấn phẩm, chúng tôi lấy làm cơ sở tìm hiểu về Phật giáo thời Lý trên một số khía cạnh như: Tư tưởng Phật giáo; cơ sở thờ tự; đóng góp của người dân cho Phật giáo.

1. Khái quát Phật giáo thời Lý

Người khai sáng triều Lý là Lý Thái Tổ (974-1028). Trước khi tham gia triều chính nhà Tiền Lê rồi khai sáng triều Lý, cuộc đời của vua Lý Thái Tổ có tuổi thơ và huyền thoại gắn bó mật thiết với Phật giáo: “Ngay từ khi còn nhỏ, sống trong chùa, là con nuôi và được những vị danh tăng đương thời trực tiếp nuôi dưỡng và dạy bảo, Lý Công Uẩn đã chịu sự giáo dục mang dấu ấn mạnh mẽ của Phật giáo. Trong suốt quá trình nuôi dạy đó, Vạn Hạnh là người giữ vị trí đặc biệt. Thiền sư Vạn Hạnh là người có công trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục Lý Công Uẩn thuở nhỏ” [Nguyễn Quang Ngọc cb, 2010: 63]. Trước đó, ở thời Đinh - Tiền Lê, Phật giáo đã tham gia vào công việc triều chính. Trong thời Tiền Lê, Lý Công Uẩn giữ chức Điện tiền Chỉ huy sứ quân (Sách Đại Việt sử ký toàn thư có ghi lại chức quan này). Khi khai sáng triều Lý, Lý Công Uẩn rất coi trọng đạo Phật. Do đó, không thể phủ nhận chính quyền và người dân đều chịu chi phối sâu đậm của tư tưởng Phật giáo thời Lý. Nói cách khác, Phật giáo thời Lý phát triển hưng thịnh, thể hiện ở các phương diện sau:

Thứ nhất, triều đình nhà Lý đã tổ chức nhiều hoạt động liên quan đến Phật giáo như: dựng chùa, bảo tháp, đúc chuông, sao chép kinh Phật,... Khi mới lên ngôi, vua Lý Thái Tổ đã lệnh cho người dân dựng chùa khắp nơi: “Năm 1011, hạ lệnh cho các hương ấp, nơi nào có chùa quán đã đổ nát đều phải sửa chữa lại [...]. Năm ấy (1011), độ dân làm sư. Phát bạc ở kho 1.680 lạng để đúc chuông lớn, treo ở chùa Đại Giáo” [Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, tập I, 1998: 242]. Thống kê sơ bộ trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, từ năm 1011 đến năm 1224 cho thấy, xuyên suốt thời gian tồn tại của vương triều Lý (1009-1226), có khoảng 81 sự kiện gắn với Phật giáo diễn ra, như: lập đàn chay, đúc chuông, độ cho nhân dân, chép Kinh Tam tạng, làm kho chứa kinh, dựng chùa, dựng bia, đúc tượng, cầu tự,... [Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, tập I, 1998: 242-338]. Đây có lẽ là những sự kiện phổ biến và chủ đạo trong đời sống Phật giáo thời Lý.

Thứ hai, ở thời Lý, lực lượng tăng sĩ và tín đồ Phật giáo chiếm số lượng đông đảo. Thời gian đầu, khi Nho giáo chưa phổ biến, chùa là nơi đào tạo tăng tài, sau đó họ tham gia cùng triều đình lo việc nước. Nhà Lý còn đặt phẩm hàm cho các tăng quan. Năm 1028, vua Lý Thái Tổ đã đặt các cấp bậc của tăng sĩ. Một số nhà sư như Mãn Giác, Không Lộ, Minh Không,... được vua Lý cấp cho thực hộ (cho hưởng tô thuế một số hộ nông dân như chế độ phong thưởng công thần). Có thể xem trường hợp Thiền sư Minh Không là một ví dụ: “Năm 1136, vua (Lý Nhân Tông) bệnh nặng, chữa thuốc không khỏi. Nhà sư Minh Không chữa khỏi, phong làm quốc sư” [Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, tập I, 1998: 308].

Thứ ba, Phật giáo dưới thời Lý đã phản ánh và in dấu trong đời sống tư tưởng, văn hóa của người dân, ví như: “Năm 1115, bảy giờ vua (Lý Nhân Tông) không có con trai, cho nên lập nhiều hoàng hậu và cung nhân, làm đàn chay để cầu tự” [Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, tập I, 1998: 286]. Hơn thế nữa, các vua nhà Lý thỉnh thoảng còn tổ chức các lễ cầu đảo khi thiên tai, hạn hán diễn ra, mong sao đời sống nhân dân yên ổn, sản xuất mùa vụ tốt tươi: “Năm 1188, mùa hạ, tháng 5, đại hạn. Vua thân ngự đến chùa Pháp Vân ở Duệnh Bà để đảo vũ, nhân rước tượng Phật Pháp Vân về chùa Báo Thiên” [Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, tập I, 1998: 329].

Rõ ràng, ở thời Lý, tư tưởng Phật giáo có vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội, Nguyễn Quang Ngọc đã nhận xét về vai trò của các tôn giáo đối với xã hội Đại Việt, trong đó có Phật giáo như sau: "đến thời Lý đã diễn ra sự tồn tại hòa bình, cùng phát triển của cả ba tôn giáo lớn: Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo, trong đó Phật giáo chiếm ưu thế hơn cả" [Nguyễn Quang Ngọc cb, 2010: 438]. Theo đó, nội dung một số bi ký thời Lý đã lưu lại phần nào dấu ấn của Phật giáo đương thời, làm rõ thêm sự phát triển của Phật giáo thời Lý. Phần lớn các bi ký chép về Phật giáo thời Lý được soạn vào thời kỳ Phật giáo đang phát triển, được nhà nước Đại Việt đề cao và có ảnh hưởng trong đời sống xã hội. Nội dung một số bi ký ghi chép quá trình xây dựng chùa, đồng thời, có những đoạn văn đề cao vai trò, giá trị của Phật giáo với xã hội. Sự hiện diện của Phật giáo được xem như ánh hào quang tỏa sáng muôn nơi, soi tỏ và thấu lòng chúng sinh, chẳng hạn *Bi ký chùa Báo Ân núi An Hoạch* ghi: "Phật có sắc vàng, con người có tính Phật, nhưng không ai tự nhận biết, tự thức ngộ được vậy. Vì thế, người

muốn chúng quả ắt phải nhờ điều thiện để đến nơi chúng quả. Điều đáng tham cứu không gì lớn hơn tượng pháp, mà sùng tượng tượng pháp không gì bằng chùa chiền" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 72].

Với tinh thần cứu độ chúng sinh, từ bi, hỷ xả,... nên nhân sinh quan của Phật giáo hướng đến mục đích là: "tìm ra con đường giải thoát, đưa chúng sinh ra khỏi vòng luân hồi bất tận đó. Phật nói: Nay các đệ tử, ta nói cho mà biết, nước ngoài biển khơi chỉ có một vị mặn, đạo của ta dạy đây cũng chỉ có một vị là vị giải thoát" [dẫn theo: Nguyễn Hữu Vui cb, 2007: 135]. Phật giáo thời Lý đã thấm sâu vào lòng dân, phổ rộng trong xã hội, *Bi ký chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni* cho biết: "Họ Đại Hùng ta: giáng sinh xuống thành Ca Vệ, thương vật nên tạm phải hóa thân, mở cửa phương tiện, tế độ chúng sinh, răn điều ác, khuyến điều lành, thức tỉnh mê lầm nơi họ. Sau đó, Kim Sa nấu tích, tượng giáo rộng truyền, chôn chôn quy y, nơi nơi hâm mộ. Hoặc núi sông, thôn xóm, hoặc thành ấp, hùng đô, chùa chiền dày như răng lược, tháp báu dựng tựa bàn cờ. Đó chẳng phải là sùng phong, ngưỡng đạo hay sao" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 200-201].

2. Một số đóng góp của Phật giáo thời Lý qua bi ký

2.1. Về tư tưởng Phật giáo

Thời Lý, tư tưởng Phật giáo trước hết là để phục vụ sự nghiệp quản trị quốc gia Đại Việt. Ngay buổi đầu nhà Lý, Phật giáo đã tham gia vào việc đưa Lý Công Uân lên ngôi. Cụ thể, giới trí thức Phật giáo đã làm công tác tư tưởng, an dân bằng hình thức sám truyền để mở đường dư luận cho việc đăng quang của Lý Công Uân: "Su Vạn Hạnh bèn nói với vua rằng: "Gần đây, tôi thấy lời sám¹ lạ, biết rằng nhà Lê tất phải mất mà nhà Nguyễn (Lý) tất phải lên. Họ Nguyễn không ai nhân từ, khoan dung như ông, lại được lòng dân" [Trần Quốc Vương (dịch và chú giải), 2005: 72]. Trong thực tế, thời nhà Lý nắm quyền, đạo Phật luôn song hành cùng quốc gia, dân tộc và quan tâm đến các vấn đề xã hội.

Với tinh thần đạo pháp vì quốc gia, dân tộc, Phật giáo thời Lý đã thể hiện quan điểm đó trong *Bi ký chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni* như sau: "Lại bày việc khánh chúc, sai mời bậc chân tu. Đọc lời kinh vô thượng, chứng phép báu vô sinh. Đem quả phúc này, trên chúc rường mối của nhà vua, sáng tày nhật nguyệt, bền cùng non sông. Sớm sinh Thái tử, thỏa lòng ước mong, nối đời truyền thom, kế thừa ngôi báu"

[Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 203]. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, Phật giáo thời Lý luôn hướng về quốc gia, dân tộc, coi đó là sứ mệnh cao cả trong quá trình hoàng dương Phật pháp, *Minh văn chuông chùa Thiên Phúc* có đoạn: "Sư đem chuông treo trên gác Đại Bi tại lưng núi Bồ Đà. Dùng dây vàng để treo lên, lấy chày kinh để gõ tiếng. Sớm chiều hành đạo, trên báo ơn mãi mãi giáo hóa của đức Kim thượng, cầu cho ngôi báu lâu bền. Cảm vì vật báu quốc gia mà đời phồn thịnh, dân ấm no mà đất nước bình yên" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 108].

Với vị trí và vai trò quan trọng, Phật giáo không chỉ tham gia vào chính sự mà còn phổ rộng đến người dân, làm bệ đỡ tinh thần trong những lúc khó khăn, *Bi ký tháp Sùng Thiện Diên Linh (...)* cho biết: "Ban cơm chay thơm trắng, cho khách đói lòng; phát của quý ùn ùn, giúp dân cùng khổ" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 176]; *Bi ký chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni* cũng chép: "Lúc bấy giờ, trong châu quận bị mất mùa đói kém, ông (tức Thiên sư Đạo Dung) xuất thóc của nhà cấp phát" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 201]. Trong *Bi ký chùa Minh Tịnh* cho biết thêm: "Dựng tháp báu nơi tòa ngang dãy dọc, cầu nguyện cho thần thức của người cha còn lẫn khuất, sớm được chứng quả Thập địa. Những anh em họ hàng kẻ còn người mất đều được tắm gội nhân lành, siêu sinh lên miền tịnh độ, thoát xa bể khổ trầm luân, nối dài cội phúc, thọ tày Tung Hoa" [Nguyễn Văn Thịnh chủ trì, 2010: 50].

2.2. Về tự viện

Trong 15 bi ký chép về Phật giáo thời Lý, có 11 bi ký ghi chép về việc xây dựng, trùng tu chùa và đúc chuông với sự tham gia của vua, quan, tăng sĩ và người dân. Trong đó, chiếm ưu thế hơn cả là tầng lớp hoàng tộc và quan . Bi ký chùa Viên Quang cho biết việc nhà vua lệnh cho các thuộc hạ bắt tay vào xây chùa này: "Vua riêng nghĩ tới nơi này, sư cũng vui ưa chốn ấy. Cho nên đầu năm Minh Đạo (3)², nhà vua sắc cho Hữu ty, kíp lo xây dựng. Thế là thợ thuyền họp lại như mây, gỗ đá chất cao như núi. Búa rìu đẽo gọt mà lộ vẻ thiên cung, vàng đá khe dung mà thành nơi điện báu" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 313]. Nội dung bi ký cho biết thêm, vua Lý Anh Tông là người sáng lập ra ngôi chùa, sư Giác Hải là người trụ trì.

Nhìn chung, vua và hoàng tộc thường chủ động xây dựng chùa để Phật giáo lan tỏa, *Bi ký tháp Sùng Thiện Diên Linh (...)* ghi: "Hội Trường Đại Khánh thứ 9 (1118), cưỡi xe phượng lên cõi tiên, cưỡi

thuyền rồng lùa của báu. Nắng đẹp sóng yên, khói quang triều rút. Qua dòng Hà Lô dằng dặc, thấy quả núi Đọi bên bờ. Tuy thế núi chênh vênh, nhưng đỉnh lại bằng phẳng. Vua sai buộc thùng vào bờ, xuống chiếu cho các quan tòng giá. Thế rồi bảo họ rằng: Trẫm muốn dựng ngôi chùa phúc ở núi này phỏng có được không?" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 174]. Đối với các danh lam hư hỏng, xuống cấp, nhà vua cũng thường đốc thúc việc tu sửa, *Bi ký chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni* cho biết: "Hoàng đế Thái Tông nhà Lý đi tuần du phương Nam, tới châu Ái, xem chùa chiền nơi đây, thờ tự bao đời, cột rường xiêu đổ, cho xây dựng lại" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 201].

Một số quan có vị trí cao trong triều cũng hết lòng với Phật giáo, *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi việc Thái sư Lý Đạo Thành khi được giao nhiệm vụ trấn trị ở châu Nghệ An, đã có động thái hướng về đạo Phật: "Thái sư Lý Đạo Thành lấy chức Tả giám nghị đại phu ra coi châu Nghệ An. Đạo Thành lập Viện Địa Tạng ở trong miếu Vương Thánh châu ấy, ở giữa viện đặt tượng Phật và vị hiệu của Thánh Tông, sớm hôm thờ phụng" [Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, tập I, 1998: 277]. Nhiều vị đại quan khác cũng hết lòng với Phật giáo, tiêu biểu như Thái úy Lý Thường Kiệt, *Bi ký chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn* khắc ghi: "Chùa Linh Xứng ở núi Ngưỡng Sơn là ngôi chùa do quan Thái úy xây dựng vậy" [Nguyễn Văn Thịnh chủ trì, 2010: 221]. Phạm Thị Thùy Vinh đã nhấn mạnh công lao xây dựng chùa của Lý Thường Kiệt ở vùng đất Thanh Hóa khi ông vào đây trấn giữ như sau: "Có thể kể đến vai trò của Thái úy Lý Thường Kiệt trong việc xây dựng chùa Báo Ân và chùa Ngưỡng Sơn Linh Xứng ở Thanh Hóa..." [Phạm Thị Thùy Vinh, 2013: 48-49].

Tại vùng đất phen dậu phía Nam Đại Việt thời Lý, nay là Thanh Hóa và Nghệ An, đã có một số vị quan địa phương trấn nhậm ở đây cũng góp công, góp của dựng chùa, như *Bi ký chùa Minh Tịnh* cho biết: "Quyền Tri trại Thanh Hóa, Sùng nghị sứ Hoàng Khánh Văn dựng chùa" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 47]. Và *Bi ký chùa Sùng Nghiêm Diên thánh* cũng chép: "Chùa do Thông phán Chu Công quyền coi quận Cửu Chân, đích thân thống suất dân cư già trẻ giúp sức xây dựng lại vậy" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 128].

Ngoài ra, bi ký thời Lý còn cho biết các nhà sư trực tiếp xây chùa, đúc chuông, như Thiên sư Từ Đạo Hạnh đã đúc chuông ở chùa Thiên

Phúc, núi Sài Sơn (nay thuộc huyện Quốc Oai, Hà Nội), *Minh văn chuông chùa Thiên Phúc* khắc ghi: "Niên hiệu Long Phù Nguyên Hóa năm thứ 9 (1109), Thiền sư Đạo Hạnh đi khuyến hóa khắp nước Đại Việt, từ cửa son đến mái rạ, người người đều vui vẻ cung tiến, quyên được hơn hai nghìn cân đồng đỏ, đúc một quả chuông lớn, treo ở viện Hương Hải, núi Bồ Đà Lạc" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 104-105]; Thiền sư Đạo Dung đã cho tu sửa chùa Hương Nghiêm ở núi Càn Ni,... *Bi ký chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni* cũng cho biết: "Chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni là ngôi chùa do Thiền sư Đạo Dung, húy là [...], tu sửa" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 201].

Liên quan đến việc tô tượng, đúc chuông, *Bi ký chùa Sùng Nghiêm Diên thánh* cho biết như sau: "Cúng được hơn ba nghìn cân, đúc ba pho tượng Như lai" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 130]. Cũng tại ngôi chùa này, bên cạnh việc đúc tượng Phật, một quả chuông lớn cũng hoàn thành vào thời gian này vì: "Còn thừa hơn một nghìn cân đồng, lại đem đúc một quả chuông lớn, dựng giá lớn ở ngoài hiên chùa để đặt chuông" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 130].

Nhìn chung, Phật giáo thời Lý không chỉ dành riêng cho tầng lớp vua chúa, quan, mà còn có sự tham gia của đông đảo người dân. Một số bi ký còn cho biết việc xây dựng chùa đã được sự hưởng ứng của đông đảo người dân, *Bi ký chùa Diên Phúc thôn Cổ Việt* ghi: "Bởi vậy, sau khi đúc Phật nhập diệt, làng xóm bang vực ra sức xây tháp xây chùa, quốc vương đại thần cùng dựng tượng vàng tượng thỏ. Dốc của kho để cúng tiến, nào có tiếc chi [...]. Trọn lòng thành hướng về Tam bảo,..." [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 244]; *Bi ký chùa Báo Ân núi An Hoạch* cũng cho biết: "Lần lượt kẻ hiền người ngu, giàu nghèo thấy đều đóng góp. Tất cả những người ở xứ này đều san đất, rẫy cỏ, dựng một ngôi chùa, gọi là chùa Báo Ân" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 73].

Như trên đã đề cập, bi ký thời Lý cho biết việc xây chùa ở nhiều nơi, quy mô to nhỏ khác nhau, bởi nhiều tầng lớp trong xã hội: "(năm 1088) Định các chùa trong nước làm ba hạng đại, trung và tiểu danh lam" [Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, tập I, 1998: 282]. Từ ghi chép này cho chúng ta thấy, trong hệ thống chùa tháp Phật giáo triều Lý có quy mô khác nhau về cảnh quan, không gian và kiến trúc. Tư liệu từ các bi ký Phật giáo thời Lý tuy không cho biết việc phân định như trên, nhưng vẫn có cơ sở cho thấy diện mạo ngôi

chùa. Qua bút pháp phóng điệu của tác giả soạn bi ký, cảnh chùa thêm phần uy nghiêm, tĩnh mịch và lung linh muôn màu. *Bi ký chùa Sùng Nghiêm Diên thánh* đã chép: "Trông kia: rường nhô ra như cầu vòng sau mưa, ngói chực bay như uyên ương trước gió. Hồi nhà pho như sải cánh trĩ bay; hoa văn chạm tựa phượng châu múa lượn. Rui cao lấp lánh dưới mặt trời, hiên lượn quanh co trước làn gió" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 130].

Có lẽ, các mô tả ngôi chùa trong những bi ký này đều thuộc nhóm đại danh lam như nhà nước Đại Việt đã phân loạn. Do đó, một mặt, các dòng mô tả đã làm toát lên nét đẹp của các ngôi chùa, mặt khác cũng cho chúng ta hình dung được cách bài trí tượng Phật và quy mô kiến trúc trong không gian chùa, *Bi ký tháp Sùng Thiện Diên Linh (...)* mô tả: "Chính giữa có một ngọn tháp bằng vàng, đặt tượng lảnh Như Lai Đa Bảo, bày chân hình xe phép mây tầng. Mái hiên lấp lánh mặt trời buổi sáng, vẽ ngói sắc sỡ màu sắc mây xanh. Thứ đến hai tòa tháp bằng bạc trắng; bên tả đặt chân dung Phật A Di Đà, bên hữu chứa xá lị của bậc Diệu Sắc Thân. Vươn cao thế khỏe, dang rộng cánh bay. Long lanh hơn tuyết trắng đang tan, rực rỡ át trăng thu trong sáng. Thứ nữa lại có hai tòa tháp bằng gỗ mun. Bên tả đặt dung nhan của Quảng Bác Thân, bên hữu đặt diệu tướng của Ly Bồ Úy. Đã hoàn thành gác lớn, lại xây dựng lầu cao. Mái lợp ngói quý, vách trở hình rồng. Lại thứ nữa có hai tòa tháp bằng ngà voi: Bên tả chạm hình dung Phật Cam Lộ, bên hữu đặt diệu tướng Phật Bảo Thắng" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 171]. Chúng ta có thể hình dung rõ hơn không gian và cách bài trí tượng Phật, cũng như quy mô bề thế của một ngôi chùa thời Lý qua *Bi ký chùa Diên Phúc thôn Cổ Việt*: "Lập chùa Phật ở chính giữa, xây hành lang ở mé ngoài. Dựng tượng Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát nghiêm trang, hai bên có tượng Văn Thù, Phổ Hiền, mé trái là tiên nhân Bà La Môn, mé phải là Công Lực Thiên Nữ. Ở dưới tòa sen có Tứ đại thiên vương làm hộ vệ, hai bên mé hiên đặt tám vị Thần tướng nhà Phật. Một góc hành lang phía trước dựng tượng Pháp Thi, mặt trong cửa Tam quan dựng các Thiện thần Hộ Pháp. Hòa thượng Chi Sơn, Đại vương Thổ Địa, để đối xứng với hành lang trước. Bên ngoài hành lang trước, phía trái có lầu cao treo chuông báu, phía phải xây nhà để đặt bi ký. Ngoài cửa Tam quan, đào hai ao để trồng sen mùa Hạ" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 247].

Căn cứ vào mô tả trong những bi ký trên, kết hợp với khảo sát, kết quả nghiên cứu khai quật Khảo cổ tại các ngôi chùa này, chúng tôi cho rằng đây là hướng tiếp cận hiệu quả để làm rõ thêm quy mô kiến trúc, không gian và lịch sử các ngôi chùa thời Lý.

3. Về những đóng góp của người dân cho Phật giáo

Trong 15 bi ký Phật giáo thời Lý, có bảy bi ký chép việc cúng ruộng, tiền của và một số nguồn lực vật chất khác cho chùa. Trong đó, cúng ruộng là phổ biến nhất, bởi xuyên suốt lịch sử phong kiến Việt Nam, ruộng đất có vai trò rất quan trọng, vì thế, ở thời Lý đã hình thành loại hình *ruộng chùa*. Đối tượng cúng ruộng, tiền vào chùa phần lớn là hoàng tộc, quan ,...

Trong số các tín chủ cúng tiền ruộng, tiền của vào chùa, có những bi ký ghi rõ họ tên, diện tích ruộng và số tiền, nhưng cũng có bi ký vì chữ bị mờ, hoặc vì một số lý do khác, việc cúng ruộng, tiền vào chùa không ghi rõ ràng. Ví dụ, bi ký chùa Minh Tịnh chỉ ghi là: "Cúng một mẫu ruộng cho Tam bảo" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 51]; Bi ký *Mộ chí của Phu nhân Phụng Thánh họ Lê* cũng không ghi cụ thể diện tích ruộng bao nhiêu: "[Phu nhân của] Thần Tông Nhân Hiếu Hoàng đế, con gái (út) của Phụng Thiên đại vương. Mẹ là Công chúa Thụy Thánh. Bà trưởng Cẩm [Thánh] nói: Ban cấp ruộng ao Tam bảo để đèn hương lưu truyền muôn đời. Một ao ở xứ đầu đình, một thửa ruộng ở xứ Cửa Ngõ, một thửa ruộng ở xứ Bến Sông [...]. Một phần [ruộng] giao cho thôn để lo giữ bia mộ thường xuyên và kính thờ, một phần để tu tạo đại danh lam cổ tích anh linh là chùa Diên Linh Phúc Thánh ở góc phía Tây" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 295]. Một số bi ký ghi rất cụ thể diện tích ruộng được cúng vào chùa, *Bi ký tháp Sùng Thiện Diên Linh (...)* cho biết: "Mẹ vua thứ tư nhà Lý nước Đại Việt, Thái hậu Phù Thánh Linh Nhân cúng một khu ruộng 72 mẫu liền bờ xứ Mạn Đê, thuộc hai xã Cẩm Thực và Thu Lãng, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng. Phía Đông gần Đường Tiên, phía Tây gần Đường Bạn, Nam gần ruộng dân, Bắc gần Phan Côn, để làm ruộng đèn nhang, lưu mãi muôn đời [...]. Những ruộng này đem cúng vào Tam bảo đã có tờ khai xin được miễn tô thuế" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 187-188]. Tiêu biểu hơn là *Bi ký chùa Báo Ân*, đã ghi chép cụ thể diện tích ruộng ở từng xứ đồng khác nhau: "Lại còn ruộng xứ đồng Bi (Boi),

ghi chép giới phận rõ ràng: Trong đồng, ngoài bãi rành rành, cúng Phật cho dân minh bạch. Trong đồng thì xứ Phan Thượng 30 mẫu, xứ Phan Hạ 30 mẫu, xứ Tử Bi (Boi) 20 mẫu, xứ Đồng Hấp 30 mẫu. Ngoài bãi thì xứ Đồng Chài 8 mẫu, xứ Đường Sơn 5 mẫu, xứ Đồng Nhe 3 mẫu. Các xứ cộng 126 mẫu, cúng làm ruộng oản nuôi sư, 3 mẫu cho người giữ cất chùa, còn bao nhiêu để lại cho dân, phòng khi tu sửa, cùng là sắm cỗ chay oản quả, dịp hội hè, bố thí cô hồn" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 331].

Một điều rất đáng lưu ý là, thông qua việc cúng ruộng vào chùa dưới thời Lý, chúng ta được biết các bi ký ghi chép rất rõ địa giới, giáp ranh của các thửa ruộng. *Bi ký chùa Báo Ân* cho biết như sau: "Phía đông gần tới xã Lợi Hy là giới hạn, phía nam gần núi Giới Đê là giới hạn, phía tây gần sông, đến bãi Đê là giới hạn, phía bắc gần đầu bãi Phao là giới hạn" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 333]. Việc ghi chép giáp giới như trên giúp chúng ta liên tưởng đến việc đo đạc, quản lý ruộng đất trong sổ địa bạ của các làng xã dưới thời Nguyễn sau này. Cụ thể, các thửa ruộng đều được xác định giới hạn Đông, Tây, Nam, Bắc giáp với những đâu, giáp ruộng của ai, hay giáp với đường đi, đầm, ao, hồ,... Thông qua cách ghi giới hạn ruộng đất trong một số bi ký thời Lý, chúng ta có thể đoán định đây là cách quản lý, biên kê ruộng đất sớm nhất trong lịch sử Việt Nam.

Nghiên cứu về chế độ ruộng đất ở Việt Nam trong các thế kỷ XI-XVIII, Trương Hữu Quýnh đã nhận xét về ruộng đất của nhà chùa như sau: "Để nuôi sống số sư tăng đủ các bậc, duy trì hương lửa trong chùa, thiện nam tín nữ đã đua nhau bỏ tiền, cúng ruộng khá nhiều [...]. Dĩ nhiên các vua Lý - Trần là những người cấp nhiều ruộng nhất cho nhà chùa [...]. Ở thời Lý, chùa Thần Quang đã được cấp đến 1.371 mẫu ruộng ở các nơi. Sang thời Trần, vua Trần và công chúa Tiểu Quân lại cúng thêm cho hơn 100 mẫu nữa. Chùa trở thành một địa chủ lớn. Số ruộng đất này, theo như ghi chép của bia và chuông, hầu như được giữ nguyên vẹn qua các triều đại, biến thành một thứ ruộng tư hữu thực sự của nhà chùa" [Trương Hữu Quýnh, 1982: 148]. Thống kê một số chủ cung tiến ruộng, tiền vào chùa từ một số bi ký thời Lý, chúng tôi có kết quả như Bảng 2.

Bảng 2: Một số tín chủ cúng ruộng, tiền vào chùa trong bi ký thời Lý

Số	Tín chủ	Ruộng	Tiền	Chùa
1	Thái hậu Phù Thánh Linh Nhân	72 mẫu	0	Tháp Sùng Thiện Diên Linh
2	Thượng tọa ở thôn Cổ Việt	0	5 quan tiền	Chùa Diên Phúc thôn Cổ Việt
3	Bà trưởng Cầm [Thánh]	Ruộng (<i>không rõ diện tích</i>)	0	Chùa Diên Linh Phúc Thánh
4	Kim tử quang hoàng Thái trưởng Trưởng tử Thái tử ...	Hơn trăm mẫu ruộng thể nghiệp	Hơn hai nghìn quan tiền	Chùa Báo Ân
5	Bà Đỗ Ất nương	Cúng một thửa ruộng (<i>không rõ diện tích</i>)	0	Chùa Chúc Thánh Báo Ân
6	Bùi Thị Thượng	Cúng đất ruộng (<i>không rõ diện tích</i>)	0	Chùa Chúc Thánh Báo Ân

[Nguyễn Văn Thịnh, 2010]

Ngoài việc cúng ruộng, cúng tiền của vào chùa, thì sự tham gia, đóng góp của người dân dưới thời Lý vào các ngôi chùa còn được thể hiện ở việc dựng bi ký, khắc bi ký, soạn bi ký,... để lưu lại lịch sử của ngôi chùa đó và công việc này chủ yếu do các nhà sư thực hiện. Có tất cả sáu người trong tổng số 18 bi ký là những người theo Phật giáo dựng bi ký. *Bi ký chùa Minh Tịnh* ghi: "Tín thụ Thiên sư Thích Nghĩa Thường viết chữ" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 50]. Bi ký này còn cho biết thêm: "Bạch Liên sa di là Thiện Giác soạn bi ký" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 47]; *Minh văn chuông chùa Thiên Phúc* cho biết: "Đại Sa môn Thích Huệ Hưng ở chùa Thiên Phúc, được ban áo tía soạn" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 108]; *Bi ký chùa Sùng Nghiêm Diên thánh* ghi: "Thông Thiên Hải Chiếu Đại sư, Tứ tử, Thích Pháp Bảo là người truyền pháp ở chùa Phúc Diên Tư Thánh, quận Cửu Chân, trấn Thanh Hóa, kiêm chức Tri giáo môn công sự của bản quận soạn bia" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 127]; *Bi ký chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni*, khắc như sau: "Sư bèn bảo với môn đồ rằng: Việc xong xuôi tất phải ghi lại để đời sau xem biết. Sư xin tôi viết cho bài bi ký. Tôi cố chối từ không được, chỉ đành cẩn thận ghi lại năm tháng mà thôi" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 203]; *Bi ký chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn*, lại viết: "Sư Huệ Thống thường tâm Nháp (Nhàn) khắc bia" [Nguyễn Văn Thịnh, 2010: 226].

Trong số những người tham gia lập bi ký nêu trên, có năm người rõ danh tính là: Bạch Liên sa di Thiện Giác; Thiên sư Thích Nghĩa

Thường; Đại Sa môn Thích Huệ Hưng; Thông Thiên Hải Chiếu Đại sư Thích Pháp Bảo; Sư Huệ Thống. Còn lại, bi ký chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni, chưa ghi rõ cụ thể là ai. Ở đây, sách *Bi ký thời Lý* cũng đang băn khoăn và cho rằng Thông Thiên Hải Chiếu Đại sư Thích Pháp Bảo, cũng là người soạn *Bi ký chùa Hương Nghiêm núi Càn Ni*. Nghiên cứu của Phạm Thị Thùy Vinh cho rằng: "Bi ký (*Càn Ni Hương Nghiêm tự bi minh*) không ghi người soạn, nhưng theo khảo cứu của Hoàng Xuân Hãn, thì tác giả bài bi ký này có lẽ là nhà sư Hải Chiếu" [Phạm Thị Thùy Vinh, 2013: 44]. Thêm một bi ký nữa là *Bia khắc trên vách Động Đại Quang Thánh núi Đại Chu Ma Sơn Áng*, vì một số chữ ở phần cuối của dòng lạc khoản bị mất, chỉ còn lại các chữ: [*Chính Long*] *Bảo Ứng năm thứ 4 [...] ngày 15 [...], sư Trì giới Bồ Đề Đại sư [...]*. Sách cho rằng, Bồ Đề Đại sư là người lập bi ký. Theo chúng tôi, ý kiến này có nhiều cơ sở, vì các chữ bị khuyết đứng sau tên "Bồ Đề Đại sư" có thể là các chữ: viết bia/soạn bia/ khắc bia,...

Nhìn chung, trong bố cục hình thức và nội dung bi ký, cùng với việc định danh đơn vị hành chính, thì thông tin liên quan đến niên đại bi ký, người soạn bi ký,... có ý nghĩa quan trọng. Thông qua đó, giúp người đọc hiểu rõ hơn về vai trò bảo lưu văn hóa của bi ký. Ở đây, những người được giao soạn, viết bi ký thường là những người có trình độ, học vấn và có vị thế trong xã hội đương thời. Các bi ký sau này, chúng ta thấy người soạn thường là tiến sĩ/cử nhân/tú tài,... hoặc là người đảm nhiệm các chức vụ nhất định trong hệ thống quan lại triều đình quân chủ. Khi đề cập đến những người soạn bi ký thời Lý, Phạm Thị Thùy Vinh cho rằng: "chúng tỏ các nhà sư bấy giờ có vai trò rất lớn trong xã hội, có một trình độ Hán học uyên thâm nên họ được mời soạn các bài minh văn truyền hậu thế" [Phạm Thị Thùy Vinh, 2013: 48].

Kết luận

Bi ký thời Lý là những tư liệu vô cùng quý giá để tìm hiểu về lịch sử, văn hóa và các lĩnh vực khác của vương triều này. Khi nghiên cứu về Phật giáo thời Lý, bi ký là nguồn tư liệu gốc, chân thực, phong phú, góp phần hiểu rõ hơn sinh hoạt Phật giáo đương thời và lịch sử phát triển của Phật giáo Đại Việt.

Kết quả phân tích tư liệu cho thấy, bi ký đã đề cập tới nhiều khía cạnh của đời sống Phật giáo thời Lý. Thực tế này phù hợp với xã hội thời Lý, vì tư tưởng Phật giáo đang có ảnh hưởng sâu rộng trong mọi

tầng lớp trong xã hội. Hơn bao giờ hết, một tôn giáo lớn của quốc gia Đại Việt thời Lý luôn mang theo sứ mệnh cao cả: phụng sự dân tộc, quốc gia và góp phần ổn định xã hội. Nội dung các bi ký còn cho thấy nhiều hoạt động của chính quyền, người dân hướng về việc cúng ruộng, cúng tiền để xây chùa, tô tượng, đúc chuông,... Điều này minh chứng, tư tưởng "thân dân" của Phật giáo. Ngoài ra, nội dung bi ký còn cho chúng ta những hình dung về cảnh quan kiến trúc một số ngôi chùa; đồng thời, qua đó có thêm cơ sở nhận thức về quy mô kiến trúc chùa tháp thời Lý,... Qua nguồn tư liệu bi ký thời Lý, giúp chúng ta nhận thấy văn hóa truyền thống gắn với sinh hoạt Phật giáo đã hình thành từ thời Lý, trải qua nhiều triều đại và đến ngày nay, nó vẫn được bảo lưu và kế thừa trong xã hội Việt Nam đương đại./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Bài sám truyền đó là: "Trong hương vua ở, có cây gạo bị sét đánh, để dấu vết thành chữ như sau: Thụ căn điều điều, Mộc điều thanh thanh, Hòa đao mộc lạc, Thập bát tử thành, Chấn cung hiện nhật, Đoài cung ân tinh, Lục thất niên gian, Thiên hạ thái bình". *Dịch là*: "Rễ cây thăm thăm, Vỏ cây xanh xanh, Cây hòa đao rụng, Mười tám hạt thành, Phương Đông hiện nhật, Non Đoài ân tinh, Khoảng sáu bảy năm, Thiên hạ thái bình", [Trần Quốc Vượng dịch và chú giải, 2005: 72].
- 2 Tức niên hiệu vua Lý Thái Tông, bắt đầu từ năm 1042.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Vũ Ngọc Định (2023), *Về nội dung bi ký Phật giáo thời Lý ở Thanh Hóa qua góc nhìn chính trị và hệ tư tưởng xã hội đương thời*, <https://tapchivanhoaphatgiao.com>, ngày đăng tải 30/11/2023, ngày truy cập 28/2/2024.
2. Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Quang Ngọc (cb) (2010), *Vương triều Lý (1009 - 1226)*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
4. Trương Hữu Quýnh (1982), *Chế độ ruộng đất ở Việt Nam thế kỷ XI-XVIII (Tập I: Thế kỷ XI-XV)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Đinh Khắc Thuân (2010), *Bi ký chùa Phật thời Lý*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: "*Phật giáo thời Lý với 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội*", Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội, Viện Nghiên cứu Tôn giáo (Viện Khoa học xã hội Việt Nam), tổ chức ngày 29/7/2010, tại Hà Nội.

6. Nguyễn Văn Thịnh chủ trì (2010), *Bi ký thời Lý*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
7. Trần Quốc Vượng dịch và chú giải (2005), *Việt Sử lược* Nxb. Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Huế.
8. Phạm Thị Thùy Vinh (2013), “Về tư liệu văn khắc Hán Nôm thời Lý”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 6.
9. Nguyễn Hữu Vui (cb 2007), *Lịch sử Triết học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Abstract

AN OUTLINE OF THE LÝ BUDDHISM THROUGH INSCRIPTIVE STELE SOURCES

Do Danh Huan

*Institute of Historical Studies,
Vietnam Academy of Social Sciences*

The Lý Dynasty (1009–1225) established a complete monarchy in Vietnamese history across many aspects such as the economy, culture, education, territorial boundaries, and ideology. Among these, the influence of Buddhism on the dynasty and the Đại Việt society was profound. The dynasty's kings, rulers, and officials paid great attention to building temples, copying Buddhist scriptures, and engaging in many other activities. Inscriptive stelae (bi ký) are among the Buddhist heritage from the Lý period that has survived to the present day. Although the number of newly discovered inscriptive stele is not large, they are valuable resources that help us gain further insights into Buddhism during the Lý period. Therefore, this article uses the discovered and published Lý inscriptive stelae to clarify various aspects of Buddhism during this time, such as Buddhist thought, religious facilities, and the contributions of the people to Buddhism.

Keywords: Buddhism, the Lý Dynasty, temple, inscription